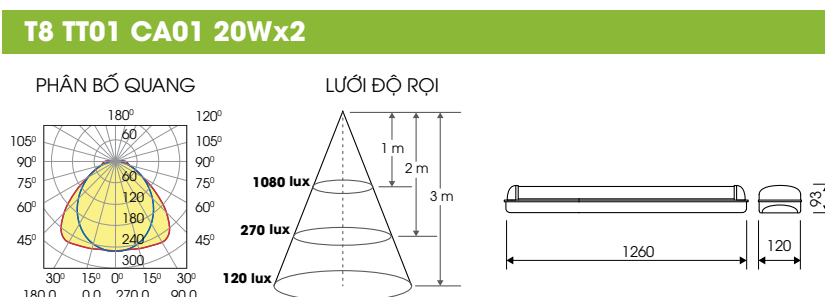
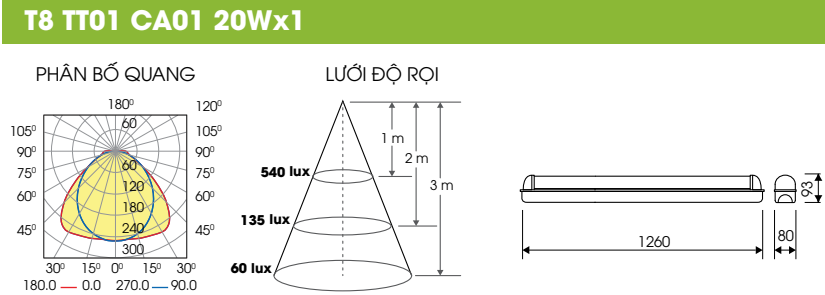
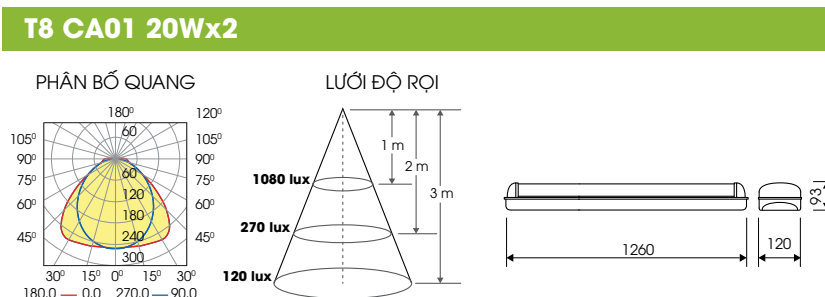
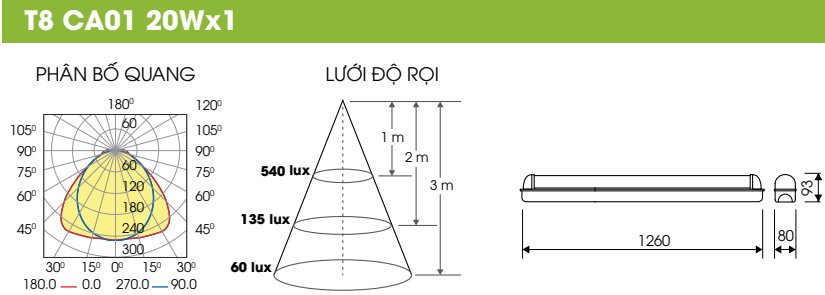


BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	90	1850	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	25000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	94	3400	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	25000, (L70/ F50)	1260x120x93
T8 TT01 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	85	1700	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x80x93
T8 TT01 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	94	3400	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30000, (L70/ F50)	1260x120x93